

Số: 1207 /KH- UBND

TP. Bắc Ninh, ngày 15 tháng 11 năm 2018

KẾ HOẠCH
Kê khai tài sản, thu nhập năm 2018.

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2007 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2012; Căn cứ Nghị định 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính Phủ về minh bạch tài sản, thu nhập (*viết tắt là: Nghị định 78/2013/NĐ-CP*); Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ (*viết tắt là: Thông tư số 08/2013/TT-TTCP*), về Hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.

Thực hiện Công văn số: 616/TTTr-NV4 ngày 09/11/2018 của Thanh tra tỉnh Bắc Ninh về việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018.

UBND thành phố Bắc Ninh xây dựng kế hoạch kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 trên địa bàn Thành phố như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1- Mục đích: Thống nhất việc triển khai công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 trên địa bàn Thành phố;

2- Yêu cầu: Đây là nhiệm vụ quan trọng thực hiện việc công khai, minh bạch về tài sản thu nhập nhằm phòng ngừa tham nhũng, do đó các cấp, các ngành cần tập trung chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian và đúng các quy định của pháp luật về minh bạch tài sản, thu nhập.

II- ĐỐI TƯỢNG PHẢI KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

1- Đối tượng kê khai tài sản thu nhập là những người thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập đã được quy định tại: Khoản 1 Điều 44 Luật Phòng chống tham nhũng, Điều 7, Nghị định số 78/2013/NĐ-CP; Điều 1 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP;

2- Đối với những người làm công tác quản lý ngân sách, tài sản Nhà nước, hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân đang làm việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, lực lượng vũ trang thuộc diện phải kê khai theo **Phụ lục 01 về danh mục người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập** kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Kế hoạch kê khai:

1.1- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức lập danh sách người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập quy định ở Mục II, trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ

chức có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức kê khai; Việc phê duyệt hoàn thành chậm nhất ngày 20/11/2018.

1.2- Các đơn vị phát tờ khai cho người có nghĩa vụ kê khai xong trước ngày 30/11/2017 theo mẫu tại **Phụ lục số 2 về Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập** kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

1.3- Người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai và nộp bản kê khai cho đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Mẫu bản kê khai.

1.4- Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai của đối tượng phải kê khai, đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ phải kiểm tra lại bản kê khai, nếu thấy việc kê khai chưa đúng mẫu quy định thì yêu cầu kê khai lại. Thời hạn kê khai lại là 3 ngày.

1.5- Việc kê khai tài sản, thu nhập các nhân tại các cơ quan, đơn vị phải hoàn thành xong trước ngày 31/12/2018 và giao nhận bản kê khai hoàn thành trước 05/3/2019.

2- Kỳ báo cáo: Kỳ báo cáo được tính từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018.

3- Một số hướng dẫn việc kê khai:

3.1- Để đảm bảo công tác kê khai hàng năm đúng các quy định và thời hạn, căn cứ quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai trình người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức phê duyệt (**Khối UBND Thành phố và các xã phường do Phòng Nội vụ Thành phố lập danh sách; khối Đảng, Đoàn thể thành phố do Ban tổ chức Thành ủy lập danh sách**).

3.2- Sau khi danh sách người có nghĩa vụ kê khai được phê duyệt, đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ hướng dẫn kê khai, cung cấp mẫu kê khai cho các đơn vị. Việc kê khai được thực hiện theo hướng dẫn tại **Phụ lục số 3 về Hướng dẫn kê khai tài sản thu nhập** kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

4. Việc lưu giữ và gửi tờ kê khai tài sản và thu nhập

4.1. Nếu người kê khai không thuộc diện cấp ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì bản kê khai được lưu cùng hồ sơ cán bộ của người đó tại đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ; Người kê khai có trách nhiệm lưu giữ bản sao bản kê khai của mình.

4.2 Nếu người kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ sao y 03 bản; nộp bản gốc cho Ban tổ chức cấp ủy cùng cấp; lưu 01 bản sao tại đơn vị mình; gửi 01 bản sao cho Ủy ban kiểm tra cấp ủy cùng cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ (để phục vụ công tác giám sát và xác minh theo quy định).

Ví dụ: Nếu người kê khai thuộc diện Thành ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì thực hiện như sau:

- + Bản gốc kê khai gửi cho Ban Tổ chức Thành ủy;
- + Gửi 01 bản sao cho đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ;

- + Gửi 01 bản sao cho Ủy ban Kiểm tra Thành ủy;
- + Lưu 01 bản sao tại cơ quan đơn vị chủ quản.

4.3. Người kê khai có trách nhiệm lưu giữ bản kê khai của mình.

4.4. Khi người kê khai được điều động, chuyển sang cơ quan, tổ chức khác thì bản kê khai tài sản, thu nhập của người đó phải được chuyển giao cùng với hồ sơ cán bộ cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý.

4.5. Khi người kê khai nghỉ hưu, thôi việc thì bản kê khai tài sản, thu nhập của người đó được lưu giữ cùng với hồ sơ cán bộ.

5. Việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai được thực hiện như sau:

Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai phải công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình thường xuyên làm việc. Căn cứ vào đặc điểm, tình hình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức quyết định công khai bằng hình thức niêm yết bản kê khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc công bố tại cuộc họp vào thời điểm sau tổng kết hàng năm với phạm vi như quy định tại Điều 14 Nghị định 78/2013/NĐ-CP và Điều 7,8,9,10 tại Thông tư 08/2013/TT-TTCP. Thời điểm công khai được thực hiện từ ngày 31/12/2018 đến trước ngày 01/3/2019, nhưng phải đảm bảo thời gian công khai tối thiểu là 30 ngày.

6- Trách nhiệm của các cơ quan:

6.1- Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố, người đứng đầu các ban của Đảng, Ủy ban kiểm tra, Văn phòng Thành ủy, Ủy Ban mặt trận tổ quốc, Văn phòng HĐND - UBND, các tổ chức chính trị - xã hội ở Thành phố, Chủ tịch UBND cấp phường, xã có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả kê khai, công khai, xác minh, kết luận và xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập, quản lý bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện quản lý của mình; định kỳ báo cáo kết quả về cơ quan Thanh tra thành phố.

6.2- Ban tổ chức Thành ủy quản lý bản kê khai, tổng hợp kết quả kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ khác thuộc khối đảng, đoàn thể; định kỳ gửi số liệu tổng hợp kết quả kê khai về Thanh tra thành phố.

6.3- Phòng Nội vụ thành phố hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp kết quả kê khai, xác minh, kết luận và xử lý vi phạm về minh bạch tài sản và thu nhập đối với người kê khai đang công tác tại tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước ở Thành phố; định kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra Thành phố.

6.4- Ủy ban kiểm tra Thành ủy tổng hợp kết quả xác minh, kết luận, công khai, xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban thường vụ Thành ủy quản lý; định kỳ gửi số liệu tổng hợp về Thanh tra Thành phố.

6.5- Thanh tra Thành phố phối hợp với phòng Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp kết quả kê khai, công khai, xác minh, kết luận, xử lý vi phạm về minh bạch tài sản và thu nhập trong phạm vi quản lý của UBND Thành phố.

6.6- **Lưu ý:** Đối với các cơ quan, đơn vị có tổ chức, bộ máy được quản lý tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương như: Ngân hàng, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Thi hành án, Chi cục thuế, Kho bạc Nhà nước... thì tổng hợp kết quả kê khai tài sản, thu nhập và báo cáo theo hệ thống tổ chức.

7- Việc gửi báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập: (Theo **Phụ lục số 04 về báo cáo minh bạch tài sản, thu nhập** kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP).

7.1- Các ban của Đảng, các đoàn thể chính trị thuộc sự quản lý của Thành ủy; các phòng, ban, xã, phường thuộc quản lý của UBND Thành phố gửi về Thanh tra thành phố để tổng hợp.

7.2- Thanh tra thành phố chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ và Ban tổ chức Thành ủy, UBKT thành ủy tổng hợp kết quả toàn Thành phố, báo cáo về UBKT Tỉnh ủy, Thanh tra Tỉnh, Sở Nội vụ trước ngày 10/3/2019 (*Lưu ý: Không tổng hợp các cơ quan thuộc cơ quan TW, các cơ quan nêu ở Mục 6, Khoản 6.6 tại Kế hoạch này và cơ quan trực thuộc cấp Tỉnh đóng trên địa bàn Thành phố*).

Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 78/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.

Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, Thông tư 08/2013/TT-TTCP và Các biểu mẫu, hướng dẫn về công tác kê khai tài sản, thu nhập, các đơn vị tự khai thác trên cổng thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ (địa chỉ: WWW.thanhtra.gov.vn) để đảm bảo việc kê khai tài sản, thu nhập đúng quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Thanh tra thành phố, Phòng Nội vụ thành phố, Ban tổ chức Thành ủy, Ủy ban kiểm tra Thành ủy để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh(B/c);
- TT TU-HĐND TP (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Ban tổ chức, UBKT Thành ủy (p/h);
- Phòng Nội vụ, Thanh tra thành phố (t/h);
- Bí thư, CT UBND các xã, phường (t/h);
- Các cơ quan khối Đảng, Đoàn thể thuộc Thành ủy (t/h);
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc T.Phố (t/h);
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Trần Đức Điện